

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Quang, Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Văn Thuyên
Học viện Phòng Không - Không Quân

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 24/11/2022

Ngày phản biện: 09/04/2023

Ngày duyệt đăng: 25/04/2022

Title: Conditions for guaranteeing national independence associated with socialism according to Ho Chi Minh's ideology in contemporary Vietnam

Từ khóa: Chủ nghĩa xã hội; Đảm bảo; Độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh, Tư tưởng

Keywords: Socialism; Guarantee; National independence; Ho Chi Minh; Ideology

ABSTRACT: National independence associated with socialism is the core content of Ho Chi Minh's ideology, demonstrating the consistency in his theoretical thinking and practical activities. National independence and socialism in Vietnam is a historical necessity and for realizing this, according to Ho Chi Minh, there must be basic conditions, in which, affirmation of the leadership role of the Communist Party of Vietnam is a prerequisite and building, consolidating and strengthening the industrial-farmer-intellectual alliance is the foundation for building the great national unity; and Vietnamese revolution is often associated with the world revolution. From the conditions to ensure national independence associated with socialism in Vietnam, with deep beliefs along with the right orientation, strong development aspirations and high political determination, the entire Communist Party, Vietnamese people and army will definitely establish new development achievements for a prosperous and happy Vietnam.

TÓM TẮT: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện sự nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một tất yếu lịch sử. Để hiện thực hóa điều này, theo Hồ Chí Minh cần phải có những điều kiện cơ bản đó là: Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều kiện tiên quyết; xây dựng, củng cố và tăng cường khối liên minh công- nông - trí thức làm nền tảng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; thường xuyên gần bó cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Từ những điều kiện đảm bảo cho độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, với niềm tin sâu sắc cùng với định hướng đúng đắn, khát vọng phát triển mạnh mẽ và quyết tâm chính trị cao, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhất định sẽ lập nên thành tựu phát triển mới vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

1. Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Lãnh tụ thiên tài, Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới, Người chiến sĩ cộng sản quốc tế mẫu mực, Người bạn thân thiết của các dân tộc yêu chuộng hoà bình và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Hành trình 30 năm bôn ba nước ngoài đã giúp Người tìm ra con đường đúng đắn để cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam. Một trong những tư tưởng lý luận quan trọng, có giá trị lý

luận và thực tiễn sâu sắc, có tác dụng định hướng to lớn cho cách mạng Việt Nam là tư tưởng về mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội cũng như ý nghĩa to lớn của mối quan hệ này.

Tháng 7-1920, với việc Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đăng trên báo L'Humanité. Luận cương của Lênin đã giúp Người tìm ra “cái cảm nung thần kỳ cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc” - con đường

giải phóng dân tộc theo quỹ đạo cách mạng vô sản. Con đường đó được Người khẳng định rõ ràng trong những văn kiện thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3 tháng 2 năm 1930 đó là làm tư sản dân quyền cách mệnh và thổ địa cách mệnh để đi tới xã hội cộng sản. Việc xác định con đường cách mạng trên của Hồ Chí Minh là một sáng tạo lớn về con đường cách mạng ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Đó là con đường giải phóng dân tộc một cách triệt để, con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

2. Nội dung

2.1. Sự phản ánh và mối quan hệ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Sự phản ánh

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện sự nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Từ khi trở thành người cộng sản cho đến khi trở thành lãnh tụ, nguyên thủ quốc gia, mối quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh là gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc” [8].

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng và ham muốn tốt bậc của danh nhân văn hoá Hồ Chí Minh: nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội phản ánh tính triệt để cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó đặt vấn đề giải phóng con người, hạnh

phúc của con người ở mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng.

2.1.2. Mối quan hệ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Sau khi tìm được đường lối cứu nước đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc chủ trương đưa cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản. Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [4]. Như vậy, mục tiêu chiến lược được nêu ra trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung của cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản, chính là làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội gắn liền mật thiết với nhau thể hiện ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là con đường cùng cố vững chắc độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc một cách hoàn toàn triệt để. Về lý luận, độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu cuối cùng; mối quan hệ giữa hai giai đoạn của một quá trình cách mạng. Logic lịch sử khách quan cho thấy: thực hiện mục tiêu trước mắt là điều kiện tiên quyết để đi tới mục tiêu cuối cùng và chỉ thực hiện được mục tiêu cuối cùng thì mục tiêu trước mắt mới cùng cố vững chắc một cách hoàn toàn, triệt để. Giữa hai giai đoạn cách mạng không có bức tường ngăn cách, cách mạng dân tộc dân chủ xác lập cơ sở, tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa khẳng định và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn liền với đời sống ấm no, hạnh phúc của quần chúng nhân dân, những người đã trực tiếp làm nên thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ. Để đảm

bảo vững chắc độc lập dân tộc, để không rơi vào lệ thuộc, đói nghèo lạc hậu, chặng đường tiếp theo chỉ có thể là đi lên chủ nghĩa xã hội. Do những đặc trưng nội tại của mình, chủ nghĩa xã hội sẽ củng cố những thành quả đã giành được trong cách mạng dân tộc dân chủ, tạo điều kiện để bảo đảm cho độc lập và phát triển dân tộc.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về điều kiện bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

2.2.1. Kiên trì độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng

Hồ Chí Minh khẳng định, xác lập, tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản là điều kiện cơ bản để độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì cách mạng Việt Nam không thể vận động theo cách mạng vô sản và chắc chắn sự nghiệp độc lập dân tộc sẽ đi theo vết xe đổ của các phong trào cứu nước trước đó. Một khi Đảng Cộng sản đánh mất vai trò lãnh đạo thì chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ sụp đổ, cách mạng bị phản bội và hoàn toàn chệch hướng. Thực tiễn ở Liên Xô và các nước Đông Âu, đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã chứng tỏ điều đó.

Về việc xác lập vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Bác đặt câu hỏi: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì?” rồi Người khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh” đề: “Trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi” [6].

Từ việc xác định như thế, Hồ Chí Minh đã xúc tiến xây dựng thành công một đảng kiểu mới ở Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng học thuyết Mác-Lênin về đảng cộng sản. Nếu học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ ra quy luật ra đời của đảng cộng sản là chủ nghĩa xã hội khoa học kết hợp với phong trào công nhân thì Hồ Chí Minh chỉ rõ: chủ

nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước là ba yếu tố cơ bản dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây chính là đảng cầm quyền cao nhất và duy nhất ở nước ta, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Người quan niệm: “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị” [7].

Về vấn đề củng cố, giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là việc làm thường xuyên của Đảng để giúp cho độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, để lãnh đạo thắng lợi các cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, giữ vững toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia, bảo vệ hòa bình và xây dựng, phát triển các lĩnh vực của đời sống xã hội, bản thân Đảng phải vững mạnh thực sự. Bởi lẽ, một Đảng tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại thì Đảng đó phải vững mạnh mới có sức sống trường tồn, mới đủ sức đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua những khó khăn, thử thách. Người cho rằng: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy” [4].

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, với tư cách là điều kiện cơ bản và là yếu tố quan trọng nhất bảo đảm để độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản được thể hiện trên các mặt chủ yếu sau đây:

Hoạch định cương lĩnh, đường lối, chủ trương để đưa sự nghiệp của dân tộc phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Lãnh đạo xã hội, trước hết là lãnh đạo nhà nước thực hiện thắng lợi cương lĩnh độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội bằng cách thông qua tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của mình.

Thông qua công tác kiểm tra, kê cả kiểm tra trong nội bộ Đảng và lãnh đạo

công tác kiểm tra trong các tổ chức của hệ thống chính trị để lãnh đạo toàn dân giành độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh chỉ rõ vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam mang tính khách quan. Để hoàn thành sứ mệnh của mình, Đảng phải trong sạch, vững mạnh và thường xuyên chỉnh đốn để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, đủ trí tuệ, đủ bản lĩnh vượt qua những thử thách gay gắt nhất, phải thực hiện xây dựng Đảng về mọi mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó công tác cán bộ bao giờ cũng là vấn đề cốt tử.

2.2.2. Xây dựng, củng cố và tăng cường khối liên minh công - nông - trí thức làm nền tảng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng Việt Nam trong quá trình thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội là hết sức sáng tạo. Người xác định: công - nông là gốc, là chủ lực của cách mạng, các giai tầng, cá nhân yêu nước là bầu bạn của cách mạng. Khi đất nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội Người đòi hỏi công nông trí thức đoàn kết lại. Tất cả được tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Hồ Chí Minh cho rằng trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa đều cần đến và không thể thiếu được Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận được xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh có hạt nhân cốt lõi là liên minh công - nông và trí thức để đoàn kết toàn dân thành một khối. Hạt nhân và toàn dân là mối quan hệ biện chứng được Hồ Chí Minh quan tâm đúng mức cả hai, không coi nhẹ hoặc thiên lệch bên nào. Mặt trận đó được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.2.3. Thường xuyên gắn bó cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Hồ Chí Minh chỉ rõ Việt Nam là một bộ phận của thế giới, cách mạng Việt Nam phải biết tranh thủ sức mạnh của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới liên hệ chặt chẽ với nhau.

Ra đi tìm đường cứu nước, trở thành nhà hoạt động cách mạng thế giới, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, cán bộ của Quốc tế Cộng sản, từ rất sớm đã hình thành trong tư tưởng Hồ Chí Minh quan điểm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Người đã có ý thức sâu sắc về việc đặt cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới khi tham gia sáng lập “Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa” để tập hợp các dân tộc thuộc địa trên thế giới thành một khối sức mạnh thống nhất chống chủ nghĩa thực dân...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận ra sức mạnh của thời đại mới sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Đó là sức mạnh của giai cấp vô sản thế giới, trong đó có giai cấp vô sản đã giành được chính quyền ở một nước lớn là nước Nga xô viết, của nhân dân lao động thế giới đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội. Đó là cơ sở để Người tiếp tục khẳng định trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Hồ Chí Minh kết luận: “Đó là ba bài học lớn mà mỗi cán bộ và đảng viên ta cần ghi sâu vào lòng và phát huy thêm mãi” [8].

2.3. Kết quả giữ vững kiên định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua

2.3.1. Ưu điểm

Từ những điều kiện đảm bảo cho độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, ưu tiên hàng đầu và nhiệm vụ đặt ra, chúng ta cần làm gì và làm như thế nào để triển khai thực hiện có hiệu quả và góp phần tạo tiền đề quan trọng trong thực hiện mục tiêu vì một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đã nêu “Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất

nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cuong lĩnh năm 1991), lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [1]. Những kết quả trên khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thì vẫn còn tồn tại nhiều mặt hạn chế, yếu kém như: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới. Công tác tư tưởng có nơi, có lúc chưa thực sự được cấp ủy coi trọng, chưa kịp thời, thiếu thuyết phục. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu, một số vấn đề mới, khó, phức tạp chưa được làm sáng tỏ. Công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương, đường

lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa phong phú, thường xuyên, kịp thời, chưa đáp ứng được sự quan tâm của nhân dân. Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn các thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao; công tác nắm bắt dư luận trước những sự kiện, tình huống bất ngờ còn chưa kịp thời.

2.3.3. Nguyên nhân chính của những hạn chế trên đó là:

Về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa

Các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa được phát huy tốt: “Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới, chưa thật sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở” [1]; chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đều. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa gương mẫu, chưa thực sự tôn trọng ý kiến, kiến nghị của nhân dân và giải quyết kịp thời những quyền, lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của người dân. Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật.

Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Vấn đề đổi mới đồng bộ, phù hợp giữa kinh tế với chính trị, văn hoá, xã hội, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có một số mặt chưa rõ nên còn lúng túng: “Cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ” [04].

Hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương, phép nước còn bị xem nhẹ, xử lý vi phạm

pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe.

Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chưa đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Số lượng cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công vẫn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn nhiều hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Thứ nhất, nhận thức về một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn chưa sâu sắc, thiếu thống nhất, do vậy một số công việc triển khai thiếu kiên quyết, còn lúng túng.

Thứ hai, chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục: “Năng lực cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết còn hạn chế, năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, làm cho nghị quyết, pháp luật chậm được thực hiện và hiệu quả thấp” [2].

Thứ ba, nhiều hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp uỷ, chính quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên ở một số nơi chậm được khắc phục; trách nhiệm người đứng đầu chưa thực sự được đề cao: “Tư tưởng trông chờ, thụ động, ỷ lại vào cấp trên, tình trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, kỷ cương phép nước không nghiêm còn khá phổ biến; chưa tạo được nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp có tính đột phá, đồng bộ để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, huy động mọi nguồn lực cho phát triển” [1].

Thứ tư, nhận thức, triển khai đổi mới tổ chức bộ máy một số cơ quan Trung ương và địa phương chưa đều, chưa thật đồng bộ. Công tác cán bộ còn có mặt hạn chế, việc thực hiện một số nội dung trong các khâu công tác cán bộ ở một số nơi còn hình thức: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá

nhân, “lợi ích nhóm”, bệnh lãng phí, vô cảm, bệnh thành tích ở một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi” [2].

Những hạn chế, khuyết điểm trên đây đòi hỏi toàn Đảng phải nghiêm túc nhìn nhận, nỗ lực phấn đấu để khắc phục, tiếp tục lãnh đạo đất nước phát triển nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.4. Những vấn đề cơ bản giữ vững điều kiện bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Với việc đặt mục tiêu cụ thể phát triển đất nước đến năm 2025 và 2030, tầm nhìn đến năm 2045, chính là một điểm mới trong việc chuẩn bị Đại hội Đảng khóa XIII. Song song với mục tiêu cụ thể, Đảng đã xác định mục tiêu tổng quát như sau: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [1].

Để đạt được những mục tiêu như Nghị quyết Đại hội XIII đề ra, cần xác định và phải nhận thức rằng, đây là vấn đề không dễ trong điều kiện tình hình chung còn rất nhiều khó khăn tác động. Vì vậy, đòi hỏi sự phấn đấu, nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó đặc biệt phải xác định đúng đắn “quan điểm chỉ đạo” của Đảng trong thực hiện đường lối đổi mới giai đoạn tới:

Trước tiên, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu

độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai là, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Ba là, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

Năm là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công

chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

3. Kết luận

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay, cùng nhìn nhận chính xác rằng “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”, những luận điểm trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng một lần nữa đã chỉ rõ luận điểm trên, từ đó góp phần giúp toàn Đảng, toàn dân nhận thức đầy đủ hơn và kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong bài viết, Tổng Bí thư nêu lên: “Nhu chúng ta đều biết, nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ hy sinh để chống lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân với tinh thần “Không có gì quý hơn Độc lập Tự do”. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc” [5].

Cùng với đó, với tinh thần cách mạng cao cả, sự lo lắng đối với vận mệnh của

đất nước và sự ấm no, hạnh phúc của nhân dân, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh tới nhiều vấn đề quan trọng trong phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, việc xây dựng các tiền đề để đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là: “Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”. Điều này khẳng định vai trò hạt nhân trong hệ thống chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trước đó, tại Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam - Ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930 - 18/11/2020) và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã có bài diễn văn quan trọng tại buổi Lễ, Tổng Bí thư nêu: “Suốt 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam đã ra sức hoạt động, khơi dậy tinh thần yêu nước, phát huy sức mạnh vĩ đại của khối đại đoàn kết dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại, góp sức đưa con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”.

Những luận điểm “Phát huy truyền thống đại đoàn kết, huy động sức mạnh của toàn dân tộc” được Tổng Bí thư vận dụng thường xuyên trong các bài phát biểu gần đây của mình, một lần nữa cho thấy vai trò cực kì quan trọng trong việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về hạt nhân cốt lõi là liên minh công - nông và trí thức làm nền tảng và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Vì vậy, trên cơ sở một số điều kiện bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cùng với niềm tin sâu sắc và định hướng đúng đắn, khát vọng phát triển mạnh mẽ và quyết tâm chính trị cao, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhất định sẽ lập

nên thành tựu phát triển mới vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc ta.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, tr.12; tr.35; tr.88; tr.89; tr.94-95, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2*, tr.2, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập, tập 02*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập, tập 14*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập, tập 13*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập, tập 15*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
8. Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 18/2/1995 của Bộ Chính trị khóa VII.